



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2606-177 (26.1834)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt vòi đầu vào
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Trạm y tế phường Phương Liệt
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 5 phố Phương Liệt, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai PE 1,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 10/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Đỗ Thị Thanh Huyền
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 10/06/2026 – 22/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2606-177	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,2	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,78	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,13	2
9	Permanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	1,5	2
10	Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
11	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2606-178 (26.1834)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt vòi đầu ra |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Trạm y tế phường Phương Liệt |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 5 phố Phương Liệt, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 1 chai PE 1,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 10/06/2026 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Đỗ Thị Thanh Huyền |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 10/06/2026 – 22/06/2026 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2606-178	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	<0,2	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,84	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,16	2
9	Permanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	1,83	2
10	Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
11	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2606-179 (26.1835)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu vòi vào
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Trạm Y tế phường Phương Liệt
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 136 Nguyễn Ngọc Nại, phường Phương Liệt, TP Hà Nội
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai PE 1,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 10/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Đỗ Thị Khánh Huyền
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 10/06/2026 – 22/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2606-179	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0034	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	13,44	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	0,2 ÷ 1
6	Mùi ^(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,52	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,15	2
9	Permanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	1,83	2
10	Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,13	1
11	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2606-180 (26.1835)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt đầu vòi ra |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Trạm Y tế phường Phương Liệt |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : 136 Nguyễn Ngọc Nại, phường Phương Liệt, TP Hà Nội |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 1 chai PE 1,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 10/06/2026 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Đỗ Thị Khánh Huyền |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 10/06/2026 – 22/06/2026 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2606-180	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,003	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	13,86	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	0,2 ÷ 1
6	Mùi ^(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,39	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,17	2
9	Permanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,83	2
10	Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,26	1
11	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.